

Lumax Family	Lumax 300 HF-T (30 J), Lumax 340 HF-T (40 J)		
Loạn nhịp phát hiện	nhịp chậm, nhịp sinh lý, VT-1, VT-2, VF		
Độ nhạy nhĩ/thất	tự động		
Phát hiện và tái phát hiện nhịp nhanh thất			
Tiêu chuẩn	number of intervals, onset, stability, SMART, persistent VT		
Chu kỳ thời gian VT	off, 270 ... (10) ...600 ms for VT-1; off, 270 ... (10) ...500 ms for VT-2		
Số chu kỳ phát hiện và tái phát hiện	10 .. (2) .. 60 for VT-1;10 .. (2) .. 40 for VT-2		
Tiêu chuẩn kích phát (onset)	off, 4 ... (4) ... 32%; with SMART 12%		
Tiêu chuẩn độ vững (Stability)	off, ±8 ... (4) ... ±48 ms		
Nhịp nhanh kéo dài (persistent VT)	off, 0.5, 1.0, 2.0, 3.0, 5 ... (5) ... 30 min		
SMART detection/redetection	off, on		
Phát hiện và tái phát hiện rung thất			
Chu kỳ thời gian VF	off; 200 ... (10) ... 400 ms		
Tiêu chuẩn phát hiện	X out of Y		
Số chu kỳ để phát hiện/tái phát hiện rung thất	6 ... (1).. 30 out of 8 ... (1) ... 31		
Phát hiện kết thúc			
Tiêu chuẩn	12 out of 16 intervals slower than VT-1		
Buộc kết thúc	off, 1 ... (1) ... 15 min		
Điều trị nhịp nhanh			
Các kích thích chống nhịp nhanh	Burst, Ramp, Burst +PES		
số lần	1... (1) ... 10, off		
Số S1	1 ... (1) ... 10		
Cộng S1	Off, on		
Thời gian tối thiểu giữa các xung	200 ... (5) ... 300 ms		
Tối ưu hóa kích thích chống nhịp nhanh	off, on		
ATP One shot (Kích thích chống nhịp nhanh một lần trong vùng rung thất)			
ATP One Shot	off, burst, ramp, burst + PES		
Tiêu chuẩn độ vững	12%		
số lần	1		
Số S1	1 ... (1) ... 10		
Điều trị chuyển nhịp và phá rung			
Số sốc	VT zones: 0, 1...(1) ... 8; VF zone: 6...(1) ... 8		
Loại sốc	biphasic; biphasic2		
Cực tính	normal, inverse, alternating		
	sốc đầu và thứ nhì: 1 ... (1) ... 16, ... (2) ... 30 J; sốc 3 đến n: 30 J		
Năng lượng	Lumax 340: đến 40 J!		
Chứng thực (từng vùng)	on, off		
Tạo nhịp sau sốc	off, 10 ... (10) ... 50 s; 1 ... (1) ... 10 min		
Thông số tạo nhịp	Nhịp chậm	Sau sốc	Nhịp nhanh
Phương thức	DDD, DDI, VDD, VDI, AAI, VVI	DDI when DDD(R), DDI(R), AAI(R)	V00
	DDDR, DDIR, VDDR,	VDI when VDD(R), VDI(R),	
	VDIR, VDIR,AAIR, VVIR, OFF	VVI when VVI(R), off	
Biên độ xung nhĩ/thất	0.2 ... (0.1) ...6.2, 7.5V	7.5V	7.5V
Độ rộng xung nhĩ/thất	ms		
Tạo nhịp ở thất	BiV		
Cực tính tạo nhịp thất trái	LV-Tip -> LV-Ring LV-Tip -> RV-Ring LV-Ring->LV-Tip LV-Ring->RVRing		
Cực tính điện cực thất trái	unipolar, bipolar		
Phòng sóng T ở điện cực thất trái	off, on	off,on	
Khởi kích	off, RVsense, Rvs+RVES	off, RVsense, Rvs+RVES	
Nhịp khởi kích tối đa	auto, 90 ... (10) ... 160 bpm		
phương thức thời gian nhĩ-thất trễ	positive, negative, OFF		
Thời gian nhĩ-thất trễ	off, 10 ... (10) ... 150ms		
Thời gian nhĩ-thất trễ lặp lại (dương)	off, 1... (1) ... 10 cycles		
Thời gian nhĩ-thất trễ lặp lại (âm)	off, 1... (1) ... 15 ... (5) ... 100 ... (10) ... 180 cycles		
Thời gian nhĩ-thất trễ quét	off, 1 ... (1) ... 10 cycles		

Nhịp theo dõi tốt đa (upper tracking rate)	90 ... (10).. 160 bpm
Đổi phương cách (mode switching)	DDD(R), DDI(R), VDD(R)VDI(R)
Đổi nhịp căn bản trong thời gian đổi phương cách tạo nhịp	off, +5 ... (+5) ... +30 bpm
Nhịp sau thời gian đổi phương cách	off, +5 ... (+5) ... +50 bpm
Thời gian sau đổi phương cách	1 ... (1) ... 30 min
Thời gian trễ nhĩ sau thất (PVARP)	175 ... (25) ... 600 ms
PVARP sau VES	PVARP +225 ms (max 600 ms)
Phòng nhịp nhanh do bởi máy (PMT)	off, on
Thông số bộ phận nhay	
Nhịp tối đa với bộ phận nhay	90 ... (5) ... 160 ppm
Tăng nhịp	0.5, 1 ... (1) ... 6 ppm/s
Hạ nhịp	0.25 ... (0.25) ... 1.25 ppm/cycle
Khuếch đại bộ phận nhay	1... 40
Khuếch đại tự động	off, on
Ngưỡng bộ phận nhay	very low, low, medium, high, very high
Phích dây điện cực	
Tạo nhịp/ nhận cảm	IS-1 bipolar (3x)
sốc	DF-1 (2x)
Chức năng chẩn đoán	
Khoảng thời gian AT/AF	100 ... (10) ... 250 bpm
Holter điện tim	3 x 32 min
nhận cảm thất trái	off, standard
kênh	atrium, right ventricle, left ventricle (if LV sensing is enabled)
điện tim với nhịp nhanh trên thất	off, on
điện tim với loạn nhịp nhĩ	off, on
Ghi lại cơn loạn nhịp nhĩ	off, 0.5, 6, 12, 18 h
Hộp máy	
Kích thước	Lumax 300: 66 x 59 x 12 mm; Lumax 340: 66x59x13mm
Khối lượng/ trọng lượng	Lumax 300: 37.1 cc/83 g, Lumax 340: 39.8cc/94g
Kim loại	Titanium
Chức năng T(elemonitoring)	Máy có chức năng theo dõi từ xa (Telemonitoring) qua hệ thống điện thoại. Chức năng này không dùng ở Việt Nam.